

QUY ĐỊNH VỀ SINH VIÊN – ĐẠI HỌC KHOA HỌC KỸ THUẬT PHỤ ANH

輔英科技大學學生學籍規則

Lịch sử sửa đổi gần đây

- Ngày 16/06/2022: Được thông qua sửa đổi tại Hội nghị Giáo vụ lần thứ 4 năm học 110.
- Ngày 06/10/2022: Được thông qua sửa đổi tại Hội nghị Giáo vụ lần thứ 1 năm học 111.
- Ngày 26/10/2022: Được thông qua sửa đổi tại Hội nghị Trường bất thường lần thứ 2 năm học 111.
- Ngày 22/12/2022: Được Bộ Giáo dục Đài Loan lưu hồ sơ.
- Ngày 12/10/2023: Được thông qua sửa đổi tại Hội nghị Giáo vụ lần thứ 1 năm học 112.
- Ngày 10/01/2024: Được thông qua sửa đổi tại Hội nghị Trường lần thứ 1 năm học 112.
- Ngày 15/02/2024: Được Bộ Giáo dục Đài Loan lưu hồ sơ.
- **Các lần sửa đổi khác xem ở cuối văn bản.**

PHẦN I – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Đại học Khoa học Kỹ thuật Phụ Anh (sau đây gọi tắt là **Nhà trường**) nhằm xử lý các vấn đề liên quan đến sinh viên /hồ sơ học tập của sinh viên, căn cứ theo Luật Đại học, Quy định thi hành Luật Đại học, Luật cấp bằng và các quy định pháp luật giáo dục có liên quan, ban hành “**Quy định về sinh viên của Đại học Khoa học Kỹ thuật Phụ Anh**” (sau đây gọi tắt là **Quy định này**).

Điều 2

Quy định về **khối chuyên khoa trực thuộc Nhà trường** được xây dựng riêng căn cứ theo Luật Trường chuyên khoa và các quy định liên quan.

PHẦN II – KHỐI ĐẠI HỌC

Chương 1 – Nhập học, bảo lưu tư cách nhập học

Điều 3

Mỗi năm Nhà trường tuyển sinh viên mới theo hình thức công khai. Điều kiện đăng ký dự tuyển được quy định cụ thể trong **Thông báo tuyển sinh**.

Sinh viên khu vực Trung Quốc đại lục nhập học được thực hiện theo “**Biện pháp về việc người dân khu vực Trung Quốc đại lục đến Đài Loan học tập tại các trường từ chuyên khoa trở lên**” và các quy định liên quan của Bộ Giáo dục.

Quy định tuyển sinh sinh viên nước ngoài và quy định thực hiện chương trình **hai bằng (double degree)** với các trường đại học ở Trung Quốc đại lục và nước ngoài được quy định riêng.

Điều 4

Khi chỉ tiêu tuyển sinh chính thức của các khoa thuộc hệ đại học còn thiếu, Nhà trường có thể tuyển **sinh viên chuyển trường/chuyển trường vào (轉學生)**.

Trước khi tuyển sinh phải xây dựng quy định tuyển sinh chuyển trường và trình Bộ Giáo dục phê duyệt. Điều kiện dự tuyển được quy định trong quy định tuyển sinh và thông báo tuyển sinh.

Điều 5

Nếu tư cách nhập học của sinh viên có một trong các trường hợp dưới đây và được xác minh là đúng:

- Nếu **đã nhập học** → lập tức bị **đuổi học và hủy tư cách sinh viên**.
- Nếu **chưa nhập học** → hủy tư cách nhập học.
- Người bị hủy tư cách sinh viên sẽ **không được cấp giấy tờ chứng minh quá trình học tập liên quan**.
 1. Mượn danh, giả mạo, sử dụng trái phép, làm giả hoặc sửa đổi giấy tờ chứng minh quá trình/kinh nghiệm để nhập học (ví dụ giấy chứng minh thân phận đang làm việc).
 2. Gian lận trong kỳ thi tuyển sinh và được Nhà trường xác minh là đúng hoặc đã bị kết án có hiệu lực pháp luật.

Nếu những hành vi trên chỉ được phát hiện **sau khi sinh viên đã tốt nghiệp**, ngoài việc hủy bằng cấp theo pháp luật, Nhà trường còn công bố việc **hủy tư cách tốt nghiệp**.

Điều 6

Sinh viên mới (bao gồm sinh viên chuyển trường) đã được tuyển chọn phải đến trường làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

Nếu thuộc một trong các trường hợp sau, có thể **trước ngày đăng ký học (註冊)** xin Nhà trường bảo lưu tư cách nhập học. Nếu quá hạn không làm thủ tục thì sẽ bị hủy tư cách nhập học.

1. Theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự.

2. Mang thai hoặc sinh con và có giấy tờ chứng minh. Thời gian bảo lưu tư cách nhập học căn cứ theo nhu cầu do việc mang thai, sinh con hoặc nuôi con dưới 3 tuổi.
 3. Tốt nghiệp THPT và tham gia “**Chương trình Tài khoản tiết kiệm Giáo dục và Việc làm Thanh niên**”.
-

Chương 2 – Đăng ký học, đăng ký môn học

Điều 7

Sinh viên phải hoàn thành thủ tục đăng ký học trong thời hạn quy định và đóng đầy đủ các khoản phí theo quy định.

Nếu không thể đăng ký đúng hạn, phải làm thủ tục **xin gia hạn đăng ký học** theo Quy định đăng ký học của Nhà trường.

Điều 8

Sinh viên không hoàn thành thủ tục đăng ký học trước thời hạn quy định hoặc trước thời hạn gia hạn đã được phê duyệt sẽ bị **buộc thôi học**.

Điều 9

Sinh viên sau khi đăng ký học mà xin **bảo lưu/đình chỉ học (休學)** hoặc **thôi học (退學)** thì mức hoàn trả học phí được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục.

Điều 10

Nếu sinh viên đã hết thời gian học theo quy định của ngành/chương trình nhưng vẫn chưa hoàn thành các môn và số tín chỉ bắt buộc, thì học kỳ tiếp theo vẫn phải **đăng ký học**.

Điều 11

Trong thời gian học chính thức theo quy định của ngành:

- Mỗi học kỳ **không được học quá 28 tín chỉ**.
- Không được học **dưới 8 tín chỉ**.

Sau khi hết thời gian học quy định, mỗi học kỳ ít nhất phải đăng ký **1 môn**.

Điều 12

Việc **thêm hoặc bỏ môn học** phải thực hiện trong thời hạn quy định của mỗi học kỳ.

Sinh viên không được vì thêm/bỏ môn mà làm số tín chỉ thực học vượt quá hoặc thấp hơn quy định tại Điều 11.

Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Trường khoa phê duyệt, về nguyên tắc có thể **học vượt hoặc giảm tối đa 4 tín chỉ** trong học kỳ đó.

Điều 13

Đối với những môn có quy định về **môn tiên quyết**, sinh viên phải học môn tiên quyết trước rồi mới được học môn tiếp theo.

Nếu không đáp ứng quy định thì tín chỉ và điểm của môn đó **không được công nhận**.

Điều 14

Nhà trường có thể tổ chức **các khóa học hè** tùy theo nhu cầu. Quy định cụ thể được xây dựng riêng.

Điều 15

Sinh viên có thể đăng ký học môn của **khoa/chương trình khác**. Quy định cụ thể được xây dựng riêng.

Điều 16

Các môn học tại trường khác mà sinh viên được Nhà trường và trường đó cho phép đăng ký có thể được **công nhận vào số tín chỉ tốt nghiệp của Nhà trường**.

Quy định về đăng ký môn học liên trường được xây dựng riêng.

Điều 16-1

Sinh viên có thành tích xuất sắc trong thể thao, được tuyển vào đội tuyển quốc gia (đội huấn luyện) và được Trung tâm Huấn luyện Thể thao Quốc gia điều động huấn luyện dài hạn, nếu làm đơn và được Nhà trường phê duyệt thì có thể **linh hoạt sắp xếp chương trình học**.

Chương 3 – Thời gian học và tín chỉ

Điều 17

Nhà trường áp dụng **chế độ tín chỉ theo năm học**.

- Hệ 4 năm: thời gian học về nguyên tắc là **4 năm**, tổng cộng ít nhất **128 tín chỉ**.
- Hệ 2 năm: thời gian học về nguyên tắc là **2 năm**, tổng cộng ít nhất **72 tín chỉ**.

Các khoa có thể căn cứ nhu cầu thực tế quy định thêm **điều kiện tốt nghiệp** và tăng số tín chỉ tốt nghiệp.

Đối với sinh viên tốt nghiệp trường nước ngoài hoặc trường cùng loại ở Hong Kong/Macau có trình độ tương đương **lớp 11 THPT tại Đài Loan**, sau đó dự thi đại học với tư cách trình độ học

vấn tương đương và nhập học năm nhất hệ cử nhân, ngoài chương trình thông thường còn phải học thêm **ít nhất 12 tín chỉ tốt nghiệp**.

Các môn học bổ sung do từng khoa quy định.

Nếu đã tốt nghiệp được **từ 2 năm trở lên**, trình độ sẽ được công nhận trực tiếp tương đương THPT và **không cần học thêm tín chỉ tốt nghiệp**.

Điều 17-1

Đối với nam sinh hệ cử nhân 4 năm sinh từ năm 2005 trở về sau, kể từ ngày 01/01/2024 khôi phục chế độ nhập ngũ phục vụ nghĩa vụ quân sự hiện tại, Nhà trường sẽ xây dựng riêng các biện pháp **linh hoạt thời gian học** và báo cáo Bộ Giáo dục lưu hồ sơ.

Điều 18

Nếu trong thời gian học quy định sinh viên không thể hoàn thành đủ tín chỉ, có thể **gia hạn thời gian học**, tối đa **2 năm**.

Đối với sinh viên khuyết tật về thể chất/tâm lý học chương trình cử nhân, do tình trạng và nhu cầu học tập có thể gia hạn tối đa **4 năm**, đồng thời không áp dụng quy định thôi học do thành tích học tập.

Sinh viên do mang thai, sinh con hoặc nuôi con dưới 3 tuổi có thể xin gia hạn thời gian học; thời gian gia hạn căn cứ vào nhu cầu thực tế và được phê duyệt.

Điều 19

Các quy định về xử lý học 籍 khi sinh viên đến **Trung Quốc đại lục hoặc ra nước ngoài** được quy định riêng.

Việc xử lý tín chỉ thực hiện theo:

- Quy định công nhận/chuyển đổi tín chỉ của sinh viên.
- Quy định xử lý môn học và tín chỉ khi sinh viên đến Trung Quốc đại lục hoặc ra nước ngoài học tập.

Điều 20

Các môn và tín chỉ mà sinh viên đã học:

- trước khi nhập học; hoặc
- trong thời gian học tại các trường đại học ở Trung Quốc đại lục, Đài Loan hoặc nước ngoài đáp ứng tiêu chuẩn công nhận của Bộ Giáo dục

có thể được **xin chuyển đổi/công nhận tín chỉ**.

Việc đăng ký và xét duyệt thực hiện theo quy định của Nhà trường về công nhận tín chỉ.

Điều 21 – Công nhận tín chỉ đã học trước khi nhập học

Các môn và tín chỉ sinh viên đã học và đạt trước khi nhập học có thể được Nhà trường xem xét công nhận.

Tùy số tín chỉ được công nhận, sinh viên có thể được **xếp vào năm học cao hơn**, nhưng vẫn phải học tại trường **ít nhất 1 năm**.

Sinh viên phải nộp đơn xin công nhận tín chỉ cho khoa trước **tuần thứ 3 của học kỳ đầu tiên**.

Giới hạn tín chỉ được công nhận:

1. Hệ 2 năm: tối đa **32 tín chỉ**.
 - Hệ 4 năm: tối đa **80 tín chỉ**.
 - Thạc sĩ (bao gồm hệ vừa học vừa làm): tối đa **12 tín chỉ**, không bao gồm luận văn.
 2. Sinh viên hệ cử nhân của Nhà trường học trước tín chỉ thạc sĩ có thể sau khi vào chương trình thạc sĩ xin công nhận các tín chỉ đó vào tín chỉ tốt nghiệp thạc sĩ. Trường hợp này **không bị giới hạn bởi mức ở mục 1**.
 3. Người từng học tại Nhà trường, sau đó nhập học lại, có thể được công nhận các môn/tín chỉ đã đạt trước đây tại Nhà trường mà **không bị giới hạn bởi mục 1**.
- Tuy nhiên, nếu trước đây học hệ 4 năm rồi quay lại học hệ 2 năm thì số tín chỉ đã đạt trước đó phải **trên 56 tín chỉ** mới được công nhận vào chương trình hệ 2 năm.
4. Tên môn học hoặc nội dung thực chất phải tương đương.
 - Nếu tín chỉ của môn cũ **nhiều hơn** môn cần công nhận → tính theo số tín chỉ ít hơn.
 - Nếu tín chỉ môn cũ **ít hơn** môn cần công nhận → phải học bổ sung môn do đơn vị xét duyệt chỉ định để bù số tín chỉ thiếu.
 - Nếu không có môn có tên/nội dung/tính chất tương đương để học bù → **không được công nhận**.
 5. Học viên lớp tín chỉ giáo dục mở rộng có chứng nhận tín chỉ và dùng chứng nhận đó để nhập học thì việc công nhận tín chỉ thực hiện theo quy định của Nhà trường.

Sau khi công nhận, thời gian học tại trường **không được ít hơn 1/2 thời gian học quy định của chương trình và 1/2 số tín chỉ tốt nghiệp**, đồng thời vẫn không được ít hơn 1 năm.

6. Nếu xin công nhận tín chỉ giáo dục mở rộng học theo hình thức **đào tạo từ xa**, mà số tín chỉ đó vượt quá **1/3 tổng số tín chỉ tốt nghiệp**, phải lập danh sách báo cáo Bộ Giáo dục lưu hồ sơ.

Các điều kiện, số tín chỉ, tiêu chuẩn xét duyệt và quy trình công nhận tín chỉ thực hiện theo **Quy định công nhận tín chỉ sinh viên của Nhà trường**.

Chương 4 – Thi cử và đánh giá kết quả

Điều 22

Sinh viên thi cử theo Quy định thi của Nhà trường.

Điều 23

Nếu vì lý do nào đó sinh viên không tham gia thi, phải được **giảng viên phụ trách môn học đồng ý** thì mới được thi bù.

Điều 24

Điểm học tập có 3 hình thức:

- Điểm theo thang **100**.
- Điểm theo **xếp loại**.
- **Đạt / Không đạt**.

Quy định riêng về hình thức Đạt/Không đạt.

Điều 25

Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập do giảng viên phụ trách môn học tự quy định.

Điều 26

Nếu dùng thang điểm 100:

- 100 là điểm tối đa.
- **60 điểm là đạt**.
- Chỉ những môn đạt mới được tính tín chỉ.

Điều 27

Nếu môn học dùng hình thức **Đạt/Không đạt**:

- Chỉ **Đạt** mới được tính tín chỉ.

- Tuy nhiên môn này **không được tính vào điểm trung bình học kỳ và điểm tốt nghiệp**.

Điều 28

Điểm các môn được làm tròn đến số nguyên theo quy tắc **4 bỏ 5 lên**.

Điểm trung bình học kỳ và điểm tốt nghiệp được làm tròn đến **2 chữ số thập phân**.

Điều 29

Nếu sinh viên học lại cùng một môn nhiều lần:

- Nếu đạt, tín chỉ tốt nghiệp chỉ được tính **1 lần**.
- Tuy nhiên điểm của các lần học vẫn được tính vào việc tính **điểm tốt nghiệp**.

Điều 30

Cách tính:

Điểm trung bình học kỳ:

Điểm các môn trong học kỳ được tính **trung bình có trọng số theo số tín chỉ**.

Điểm tốt nghiệp:

Tính trung bình có trọng số theo số tín chỉ của tất cả các môn đã học trong toàn bộ thời gian học, **bao gồm cả học hè**.

Điều 31

Giảng viên phải nhập điểm học kỳ và bảng điểm lên hệ thống trong thời hạn quy định.

Nếu phát hiện sai trong thời hạn nộp điểm, giảng viên có thể yêu cầu Phòng Giáo vụ mở lại hồ sơ điểm để sửa và gửi lại.

Nếu sau thời hạn nộp điểm mới phát hiện **tính sai hoặc bỏ sót điểm**, giảng viên phải nộp đơn xin sửa điểm trước khi kết thúc năm học tiếp theo.

Sau khi Phòng Giáo vụ xác minh đúng và được nhóm thường trực thuộc Hội nghị Giáo vụ thông qua thì mới được sửa.

Nếu cần thiết, sau khi nhóm thường trực xem xét còn phải được **Hội nghị Giáo vụ thông qua** mới được sửa.

Chương 5 – Nghỉ học, vắng học

Điều 32

Nếu sinh viên vì lý do nào đó không thể đi học phải làm thủ tục **xin phép nghỉ học** theo Quy định xin nghỉ của Nhà trường.

- Nghỉ đã được phê duyệt → tính là **vắng có phép (缺課)**.
- Không xin phép hoặc xin phép nhưng không được duyệt mà không đi học → tính là **vắng không phép (曠課)**.

Điều 33

Nếu tổng số giờ **vắng có phép + vắng không phép** của một môn đạt **2/3 tổng số giờ học của môn trong cả học kỳ**, điểm môn đó sẽ được tính là **0 điểm**.

Giảng viên phải ghi rõ quy định này trong kế hoạch môn học và thông báo cho sinh viên trên lớp.

Thời gian vắng được tính cả trường hợp nghỉ đã được phê duyệt, **ngoại trừ**:

1. Nghỉ việc công (公假).
2. Nghỉ tang (喪假).
3. Nghỉ bệnh/nghỉ thai sản được phê duyệt do **mang thai, sinh con hoặc chăm sóc con dưới 3 tuổi**.

Đối với trường hợp số 3, việc vắng mặt **không bị trừ điểm**, và việc đánh giá môn học có thể được xử lý linh hoạt bằng các biện pháp bổ sung khác.

Chương 6 – Nghỉ học, thôi học, buộc thôi học/hủy tư cách sinh viên

Điều 34

Sinh viên vì lý do nào đó xin **tạm nghỉ học (休學)** thì tổng thời gian nghỉ về nguyên tắc tối đa **2 năm học**.

Sau khi hết thời hạn, nếu vì bệnh nặng hoặc các sự cố đặc biệt nghiêm trọng như đi làm thực tế khiến không thể quay lại học đúng hạn, có thể nộp giấy tờ chứng minh để xin Nhà trường phê duyệt và **gia hạn thêm 1 năm học**.

Điều 35

Sinh viên nghỉ học vì:

- nghĩa vụ quân sự,
- mang thai,
- sinh con,
- nuôi con dưới 3 tuổi,
- tham gia “Chương trình Tài khoản tiết kiệm Giáo dục và Việc làm Thanh niên”

thì phải nộp giấy tờ chứng minh.

Thời gian nghỉ vì những lý do này không tính vào thời hạn nghỉ học tối đa.

👉 Đây là một điều khá quan trọng nếu m quan tâm đến việc bảo lưu.

Điều 36

Nếu Hội nghị Công tác Sinh viên của Nhà trường quyết định sinh viên bắt buộc phải nghỉ học thì Nhà trường sẽ ra quyết định cho sinh viên **nghỉ học**.

Điều 37

Sinh viên thuộc một trong các trường hợp sau sẽ bị **buộc thôi học**:

1. Quá hạn không đăng ký học hoặc quá hạn nghỉ học mà không quay lại học.
2. Hết thời gian gia hạn học nhưng vẫn chưa hoàn thành các môn và tín chỉ bắt buộc của khoa.
3. Hội nghị Công tác Sinh viên quyết định cho thôi học.
4. Trong **2 học kỳ liên tiếp**, số tín chỉ của các môn không đạt đạt tới **2/3 tổng số tín chỉ đã đăng ký trong học kỳ đó**.

Tuy nhiên, trường hợp đặc biệt được Hội nghị Giáo vụ quyết định thì có thể được miễn áp dụng quy định này.

5. Sinh viên **tự nguyện xin thôi học**.

Điều 38

Nếu sinh viên không đồng ý với quyết định hành chính của Nhà trường về **thôi học hoặc hủy tư cách sinh viên**, có thể căn cứ Quy định khiếu nại của sinh viên để nộp đơn khiếu nại trong thời hạn quy định.

Trong thời gian khiếu nại, sinh viên **có thể tiếp tục học tại trường**.

Điều 39

Nếu kết quả khiếu nại vẫn giữ nguyên quyết định thôi học ban đầu, ngày kết thúc học tập ghi trên giấy chứng nhận quá trình học sẽ lấy **ngày ban hành quyết định ban đầu** làm mốc.

Tuy nhiên, các môn/tín chỉ sinh viên đã học trong thời gian khiếu nại có thể được cấp **giấy chứng nhận tín chỉ**.

Điều 40

Sau khi hoàn thành **1 học kỳ**, sinh viên có thể xin chuyển khoa/chương trình.

Tuy nhiên, **hệ chính quy ban ngày và hệ vừa học vừa làm là hai chế độ đào tạo khác nhau nên không được chuyển qua lại.**

Việc chuyển khoa thực hiện theo quy định riêng.

Điều 41 – Ngành phụ (輔系)

Từ học kỳ thứ 2 sau khi nhập học cho đến trước học kỳ tốt nghiệp, sinh viên có thể chọn một khoa khác cùng hệ đào tạo để học **ngành phụ**.

Sinh viên học ngành phụ phải hoàn thành ít nhất **20 tín chỉ môn chuyên ngành bắt buộc** của khoa đó.

Tín chỉ ngành phụ được tính **ngoài số tín chỉ tối thiểu cần thiết để tốt nghiệp ngành chính**.

Điều 42 – Song ngành (雙主修)

Sinh viên hệ 4 năm và 2 năm từ học kỳ thứ 2 sau khi nhập học cho đến trước học kỳ tốt nghiệp có thể xin học **song ngành** tại một khoa khác cùng hệ đào tạo.

Sinh viên chọn song ngành phải hoàn thành số tín chỉ các môn chuyên ngành bắt buộc theo quy định của ngành thứ hai.

Điều 43

Quy định về học ngành phụ và song ngành được xây dựng riêng.

Điều 43-1 – Hai học 籍

Trong thời gian học tại trường, sinh viên phải được Nhà trường đồng ý trước khi được:

- đăng ký học tại trường đại học/cao đẳng khác; hoặc
- đăng ký từ **2 chương trình thuộc 2 hệ đào tạo khác nhau** trở lên trong cùng Nhà trường.

Sinh viên phải nộp đơn cho khoa đang học **trước khi đăng ký học của học kỳ phát sinh tình trạng hai học 籍**.

Sau khi được khoa, học viện đồng ý và Phòng Giáo vụ phê duyệt thì mới chính thức có **hai học 籍**.

Chương 8 – Tốt nghiệp và cấp bằng

Điều 44

Sinh viên sau khi:

- hoàn thành thời gian học,
- hoàn thành đủ môn học và tín chỉ bắt buộc,
- điểm học tập đạt,
- điểm hạnh kiểm đạt,
- năng lực ngôn ngữ đạt tiêu chuẩn của Nhà trường,

thì được phép **tốt nghiệp**.

Nhà trường cấp **bằng tốt nghiệp** và theo quy định trao **bằng Cử nhân**.

Điều 45 – Tốt nghiệp sớm

Nếu trước thời hạn học quy định mà sinh viên:

- đã hoàn thành đủ môn và tín chỉ,
- điểm trung bình mỗi học kỳ đều nằm trong **top 10% của khóa trong khoa/chương trình**,
- đáp ứng tất cả điều kiện tốt nghiệp,

thì có thể xin **tốt nghiệp sớm 1 năm hoặc 1 học kỳ**.

Chương 9 – Các quy định khác

Điều 46

Đối với sinh viên học **chương trình cấp bằng**, các vấn đề về học 籍, chuyển khoa, ngành phụ, song ngành và các vấn đề liên quan khác áp dụng tương tự các quy định dành cho khoa/chương trình trong phần này.

PHẦN III – KHÓA SAU ĐẠI HỌC

Chương 1 – Nhập học, bảo lưu tư cách nhập học

Điều 47

Mỗi năm Nhà trường tuyển sinh công khai. Điều kiện dự tuyển được quy định trong thông báo tuyển sinh.

Điều 48

Sinh viên mới trúng tuyển phải làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

Có thể xin bảo lưu tư cách nhập học trước ngày đăng ký học nếu:

1. Thuộc trường hợp theo Luật nghĩa vụ quân sự.
2. Mang thai hoặc sinh con và có giấy tờ chứng minh; thời gian bảo lưu căn cứ theo nhu cầu mang thai, sinh con hoặc nuôi con dưới 3 tuổi.

Chương 2 – Đăng ký học, chọn môn

Điều 49

Nghiên cứu sinh/học viên cao học phải đăng ký học trong thời hạn quy định và đóng các khoản phí.

Nếu không thể đăng ký đúng hạn phải xin gia hạn theo Quy định đăng ký học của Nhà trường.

Điều 50

Số tín chỉ mỗi học kỳ của học viên cao học do từng khoa/bộ môn tự quy định.

Chương 3 – Thời gian học và tín chỉ

Điều 51

Chương trình thạc sĩ có thời gian học từ **1–4 năm**.

Tổng số tín chỉ cần hoàn thành ít nhất **24 tín chỉ**.

6 tín chỉ luận văn được tính riêng.

Điều 52

Học viên cao học hệ vừa học vừa làm nếu trong thời gian quy định chưa hoàn thành môn học hoặc chưa hoàn thành luận văn có thể gia hạn thời gian học, tối đa **1 năm học**.

Chương 4 – Thi và đánh giá

Điều 53

Điểm học tập và điểm thi học vị của học viên cao học đều tính theo thang 100:

- 100 điểm tối đa.

- **70 điểm đạt.**

Nếu môn bắt buộc không đạt thì **không được thi lại**, phải học lại.

Điểm hạnh kiểm **60 điểm là đạt.**

Điều 54

Thi lấy bằng thạc sĩ thực hiện theo **Quy định thi lấy bằng thạc sĩ của Nhà trường**, được xây dựng riêng và báo cáo Bộ Giáo dục lưu hồ sơ.

Điều 55

Điểm tốt nghiệp thạc sĩ được tính bằng **trung bình của điểm trung bình học tập tổng thể và điểm thi lấy bằng.**

Chương 5 – Thôi học

Điều 56

Nếu học viên thi lấy bằng không đạt và sau khi **thi lại 1 lần** vẫn không đạt thì sẽ bị **buộc thôi học.**

Chương 6 – Chuyển ngành, ngành phụ, song ngành

Điều 57

Nếu học viên cao học muốn chuyển khoa/ngành, sau khi hoàn thành **1 học kỳ** có thể nộp đơn xin chuyển.

Sau khi được phê duyệt thì **không được tiếp tục xin thay đổi hoặc chuyển lại khoa/ngành cũ.**

Chỉ tiêu tuyển sinh chuyển khoa/ngành không vượt quá tổng chỉ tiêu tuyển sinh của hệ đào tạo tương ứng tại Nhà trường.

Tuy nhiên, đối với các ngành liên quan đến **y tế và các ngành có cơ chế đào tạo nhân lực do cơ quan chính phủ quy định**, về nguyên tắc không vượt quá chỉ tiêu được phê duyệt ban đầu của khoa/ngành đó.

Điều 58

Từ học kỳ thứ 2 sau khi nhập học cho đến trước học kỳ tốt nghiệp, học viên thạc sĩ có thể chọn một khoa khác cùng hệ hoặc **hệ thấp hơn**, thuộc hệ 2 năm hoặc 4 năm cùng khối, để học **ngành phụ.**

Tín chỉ ngành phụ được tính ngoài số tín chỉ tối thiểu để tốt nghiệp ngành chính.

Điều 59

Sau khi học tại Nhà trường **1 học kỳ**, học viên thạc sĩ cho đến năm tốt nghiệp có thể xin học **song ngành**.

Quy định cụ thể về song ngành được xây dựng riêng.

Chương 7 – Tốt nghiệp và cấp bằng

Điều 60

Học viên thạc sĩ sau khi:

- hoàn thành thời gian học,
- hoàn thành đủ môn và tín chỉ,
- điểm học tập đạt,
- điểm hạnh kiểm đạt,
- **đạt kỳ thi lấy bằng**

thì được tốt nghiệp.

Nhà trường cấp bằng và trao **bằng Thạc sĩ**.

Nếu sau khi cấp bằng phát hiện:

- thông tin/quá trình học tập không trung thực,
- gian lận,
- luận văn, tác phẩm, thành tích, báo cáo bằng văn bản, báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thực hành chuyên môn có hành vi **đạo văn hoặc gian lận**,

và điều tra xác nhận là đúng, Nhà trường sẽ **hủy bằng**, đồng thời công bố việc hủy bằng đã cấp.

Nếu vi phạm các pháp luật khác thì xử lý theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 61

Thời điểm cấp bằng thạc sĩ:

- **Học kỳ 1:** tháng 1.
- **Học kỳ 2:** tháng 6.

Tuy nhiên, nếu đã hoàn thành tất cả môn và tín chỉ bắt buộc, và trong học kỳ thi lấy bằng không học thêm môn nào ngoài luận văn, thì bằng có thể được cấp **theo tháng mà sinh viên vượt qua kỳ thi lấy bằng**.

Điều 62

Đối với các vấn đề liên quan đến:

- nhập học,
- bảo lưu tư cách nhập học,
- đăng ký học,
- chọn môn,
- thời gian học,
- tín chỉ,
- thi cử,
- đánh giá điểm,
- nghỉ học,
- thôi học,
- hủy tư cách sinh viên,
- tốt nghiệp/cấp bằng

mà phần sau đại học chưa quy định thì áp dụng các quy định tương ứng tại **Phần II – Khối đại học** và các pháp luật liên quan.

PHẦN IV – QUY ĐỊNH BỔ SUNG

Điều 63

Nếu sinh viên của Nhà trường bất ngờ chịu ảnh hưởng bởi **thiên tai/thảm họa nghiêm trọng được cơ quan quản lý giáo dục xác định**, sau khi được hội nghị nội bộ của trường quyết định, Nhà trường sẽ xây dựng các cơ chế học tập linh hoạt liên quan đến:

- kỳ thi và điều kiện nhập học,
- đăng ký học,
- đóng học phí,
- đăng ký môn,

- xin nghỉ,
- đánh giá kết quả,
- công nhận tín chỉ,
- nghỉ học,
- thôi học,
- quay lại học,
- hoàn trả học phí,
- thời gian học,
- điều kiện tốt nghiệp.

Điều 64

Những vấn đề chưa được quy định trong Quy định này sẽ được xử lý theo các quy định liên quan và quyết định của Hội nghị Giáo vụ.

Điều 65

Quy định này sau khi được Hội nghị Giáo vụ và Hội nghị Nhà trường thông qua, trình Hiệu trưởng phê duyệt rồi mới có hiệu lực, đồng thời báo cáo Bộ Giáo dục lưu hồ sơ.

Khi sửa đổi cũng thực hiện theo quy trình tương tự.

✦ Lịch sử sửa đổi đầy đủ

Phần cuối là **lịch sử các lần sửa đổi** từ năm 1998 đến 2024, chủ yếu ghi lại ngày họp, nghị quyết sửa đổi và số công văn Bộ Giáo dục xác nhận/lưu hồ sơ.

Các mốc chính:

- 16/01/1998: Ban hành lần đầu.
- 28/01/2000: Sửa đổi.
- 01/07/2000: Sửa đổi tại Hội nghị Nhà trường.
- 06/01/2001: Hội nghị Nhà trường phê chuẩn lại.
- 27/09/2002: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 25/06/2004: Hội nghị Nhà trường sửa đổi.
- 22/06/2007: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.

- 09/01/2009: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 09/03/2011: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 15/06/2011: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 24/06/2011: Hội nghị Nhà trường sửa đổi.
- 11/01/2012: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 13/01/2012: Hội nghị Nhà trường sửa đổi.
- 08/03/2013: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 10/01/2014: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 17/01/2014: Hội nghị Nhà trường sửa đổi.
- 30/09/2015: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 21/10/2015: Hội nghị Nhà trường bất thường sửa đổi.
- 11/03/2016 và 29/04/2016: tiếp tục sửa đổi.
- 22/06/2016: Hội nghị Nhà trường thông qua.
- 06/01/2017 và 11/01/2017: sửa đổi và thông qua.
- 08/06/2017 và 21/06/2017: sửa đổi và thông qua.
- 08/10/2020: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 21/01/2021: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 16/06/2021: Hội nghị Nhà trường thông qua.
- 07/10/2021: Hội nghị Giáo vụ sửa đổi.
- 19/01/2022: Hội nghị Nhà trường thông qua.